

Bản án số: 156/2020/HS-ST
Ngày 14-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Từ Anh Tuấn và bà Nguyễn Thị Kim Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chiến, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020 tại Hội trường A, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 121/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2020/QĐXX-HS ngày 04/5/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Hồng H, sinh năm 1983 tại tỉnh Hà Tĩnh; thường trú: Khối 1, phường B, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Hồng L, sinh năm 1951 và bà Lê Thị T, sinh năm: 1954; bị cáo 03 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1980; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/01/2020, có mặt.

- Bị hại:

+ Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1983; thường trú: Số 41/10/01 đường 17, khu phố 3, phường H, quận T, Thành phố H. Có mặt.

+ Anh Cao Xuân H, sinh năm 1991; thường trú: Xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; Chỗ ở: Số 88, đường số 02, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Vũ Thành T, sinh năm 1998; thường trú: Ấp T, xã S, huyện H, tỉnh K; chỗ ở: Số 16, đường số 01, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

+ Anh Quách Văn S, sinh năm 1999; thường trú: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh A; chỗ ở: khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

+ Ông Hồ Văn L, sinh năm 1988; thường trú: Ấp T, Phường 2, thị xã N, tỉnh S; chỗ ở: Số 38/6 N, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

+ Ông Đỗ Hoàng N, sinh năm 1993; thường trú: 4A/32 khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Bà Cao Thị O, sinh năm 1985. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 23/12/2019, tại phòng trọ số 4 đường số 2, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B, Nguyễn Hồng H mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario125 màu xanh đen, biển số: 73C1-115.07 của anh Cao Xuân H để đi công việc. H điều khiển chiếc xe mô tô biển số 73C1-115.07 chạy đến tiệm cầm đồ N, địa chỉ số 4A/32 đường số 2, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B gặp anh Đỗ Hoàng N để cầm xe nhưng do không có giấy đăng ký xe nên anh N không cầm. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, H đi bộ về phòng trọ số 4 nói dối anh H xe mô tô đã bị Công an giao thông bắt giữ do H vượt đèn đỏ và yêu cầu phải có giấy đăng ký xe mô tô và chứng minh nhân dân mới lấy được xe. Lúc này, anh H đưa cho H 01 chứng minh nhân dân mang tên Cao Xuân H và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 73C1-115.07 (bản phô tô sao y công chứng). Sau đó, H cầm các giấy tờ trên đi bộ đến tiệm rửa xe lấy chiếc xe mô tô biển số 73C1-115.07 chạy đến tiệm cầm đồ N gặp anh N đưa 01 chứng minh nhân dân mang tên Cao Xuân H, 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 73C1-115.07 mang tên Cao Xuân H (bản phô tô sao y công chứng), 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Hồng H (bản phô tô), 01 giấy phép lái xe mô tô A1 mang tên Nguyễn Hồng H để cầm với giá 20.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

- Vụ thứ hai: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 29/12/2019, chị Trần Thị Thu H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125i màu đỏ đen, biển số: 59H1-670.45 chạy đến quán cà phê C thuộc phường L, thành phố T, tỉnh B gặp Nguyễn Hồng H cùng ngồi uống nước. Sau đó, chị H đưa chiếc xe ô tô biển số 59H1 - 670.45 cho H điều khiển chở chị H đi mua đồ. Đến khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, H điều khiển xe mô tô biển số 59H1 - 670.45 chở chị H chạy đến trước số nhà 95, đường N4, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương thì dừng xe lại và nói dối là nhà của anh H và không có ai ở nhà. Lúc này, H nói chị H đứng chờ để đi lấy chìa khóa mở cổng. H điều khiển xe mô tô biển số 59H1 - 670.45 chạy đến vòng xoay Chutex dừng xe nghe điện thoại thì bị tắt máy và khởi động xe không nổ máy nên H dẫn bộ đến trước công ty nhựa Bình Minh 2 thuộc khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Tại đây, H gọi điện thoại cho trung tâm sửa xe A để thay ổ khóa xe và được nhân viên đến nhận xe đem về tiệm sửa chữa. Sau đó, H gọi điện thoại cho chị H yêu cầu phải chuyển khoản đưa cho H số tiền 7.000.000 đồng nhưng chị H không có tiền nên đã đến Công an phường Dĩ An.

Đến khoảng 17 giờ ngày 31/12/2019, H đến cửa hàng A, địa chỉ khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương lấy xe mô tô biển số 59H1 - 670.45 điều khiển chạy về phòng trọ. Đến khoảng 18 giờ 00 phút ngày 02/01/2020, H chạy xe mô tô đến phòng trọ số 3 của anh Vũ Thành T, địa chỉ số 6 đường số 1, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương ngồi chơi. Sau đó, chị H gọi điện thoại cho H để lấy xe mô tô nhưng H tiếp tục yêu cầu chị H phải đưa số tiền 14.000.000 đồng thì chị H đồng ý. H điều khiển xe mô tô chạy đến khu vực ngã tư 550 để gặp chị H thì lực lượng Công an phường Dĩ An bắt giữ đưa về làm việc.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125i màu đỏ đen, biển số: 59H1-670.45; 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario125 màu xanh đen, biển số: 73C1-115.07; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Huawei màu vàng SCL601, sim số: 0354621516 và 0377494600; 01 (một) giấy phép lái xe mô tô A1 mang tên Nguyễn Hồng H; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Cao Xuân H; 01 (một) giấy đăng ký chiếc xe mô tô biển số: 73C1-115.07 (bản phô tô công chứng).

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 14/BB.ĐG ngày 10/01/2020 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An) kết luận xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125i màu đỏ đen, số khung: RLHJF422XFY053629, số máy: JF42E1053719, biển số 59H1-670.45, trị giá 52.000.000 đồng.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 17/BB.ĐG ngày 10/01/2020 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An) kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario125 màu xanh đen, số khung: MH1JM5116KK364731, số máy: JM51E1364130, biển số 73C1-115.07, trị giá 35.000.000 đồng.

Đối với Nguyễn Hồng H có hành vi yêu cầu chị Trần Thị Thu H đưa số tiền 14.000.000 đồng, hành vi này chưa đủ yếu tố cấu thành tội cưỡng đoạt tài sản nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An không xử lý hình sự.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125i màu đỏ đen, biển số: 59H1-670.45 của chị Trần Thị Thu H, hiện Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An đã thu hồi và trả lại cho bị hại chị H.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario125 màu xanh đen, biển số: 73C1-115.07; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Cao Xuân H và 01 (một) giấy đăng ký chiếc xe mô tô biển số: 73C1-115.07 (bản phô tô sao y công chứng) của anh Cao Xuân H, hiện Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An đã thu hồi và trả lại cho bị hại anh H.

Đối với 01 (một) giấy phép lái xe mô tô A1 của Nguyễn Hồng H, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An đã trả lại tài sản này.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án đã thu hồi và trả lại cho bị hại chị Trần Thị Thu H và anh Cao Xuân H, bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng do anh Đỗ Hoàng N đã cầm chiếc xe mô tô biển số 73C1-115.07 của Nguyễn Hồng H, số tiền này H đã tiêu xài hết, do đó cần tuyên buộc Nguyễn Hồng H phải có trách nhiệm bồi thường số tiền này cho anh Nam.

Tại cáo trạng số 156/CT – VKS ngày 24 tháng 3 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Hồng H về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm a khoản 1 Điều 175; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng H mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 01 năm 04 tháng đến 01 năm 07 tháng tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt là 03 năm 04 bốn tháng đến 04 năm 03 tháng tù.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hồng H không tranh luận, đối đáp gì, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức án cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại cơ quan điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có ý kiến gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Vào ngày 23/12/2019, tại địa chỉ khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, Nguyễn Hồng H mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario125 màu xanh đen, biển số: 73C1-115.07, trị giá 35.000.000 đồng của anh Cao Xuân H sau đó chiếm đoạt mang đi cầm cho anh N 20.000.000 đồng. Ngày 29/12/2019, tại địa chỉ đường N4, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, Nguyễn Hồng H đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản là xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125i màu đỏ đen, biển số 59H1-670.45, trị giá 52.000.000 đồng của chị Trần Thị Thu H. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 156/CT – VKS ngày 24

tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[6] Về nhân thân: Bị cáo là người chưa có tiền án tiền sự, không có nghề nghiệp ổn định.

[7] Trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án là xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125i màu đỏ đen, số khung: RLHJF422XFY053629, số máy: JF42E1053719, biển số 59H1-670.45, trị giá 52.000.000 đồng và xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario125 màu xanh đen, số khung: MH1JM5116KK364731, số máy: JM51E1364130, biển số 73C1-115.07, trị giá 35.000.000 đồng đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì khác nên trách nhiệm dân sự không xem xét giải quyết.

[8] Đối với số tiền 20.000.000 đồng do anh Đỗ Hoàng N đã cầm chiếc xe mô tô biển số 73C1-115.07 của Nguyễn Hồng H, số tiền này Hợp đã tiêu xài hết, do đó cần tuyên buộc Nguyễn Hồng H phải có trách nhiệm bồi thường số tiền này cho anh N là phù hợp.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Huawei SCL601 của Nguyễn Hồng H sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với sim số 0354621516 và 0377494600 của Nguyễn Hồng H sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Đối với Nguyễn Hồng H có hành vi yêu cầu chị Trần Thị Thu H đưa số tiền 14.000.000 đồng, hành vi này chưa đủ yếu tố cấu thành tội cưỡng đoạt tài sản nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An không xử lý hình sự là phù hợp.

[11] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[12] Mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[13] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng H phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm a khoản 1 Điều 175; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng H 02 (hai) năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 584 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Hồng H có trách bồi thường cho anh Đỗ Hoàng N 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày anh Đỗ Hoàng N có yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm trả số tiền trên thì hàng tháng bị cáo còn phải trả cho anh Đỗ Hoàng N khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy sim số 0354621516 và 0377494600;

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Huawei SCL601

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/3/2020).

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Nguyễn Hồng H phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 (một triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Dĩ An;
- Công an thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA dân sự thành phố Dĩ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKS nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hiền